

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung Tâm Y tế Đak Pơ
Chương: 423

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 4 năm 2025	Thực hiện quý 4 năm 2024	Thực hiện quý 4 năm nay/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.681	5.629	4.062	52,7%	138,6%
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.681	5.629	4.062	52,7%	138,6%
1	Chi quản lý hành chính					
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10.681	5.629	4.047	52,7%	139,1%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.385	3.673	3.412	49,7%	107,6%
-	Bệnh viện	1.665	1.475	563	88,6%	262,0%
-	Y tế xã	2.930	1.287	1.893	43,9%	68,0%
-	Dự phòng	1.888	564	613	29,9%	92,0%
-	Dân số	902	347	343	38,5%	101,2%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.296	1.956	635	59,3%	308,0%
-	Kinh phí mua sắm sửa chữa	1.001	917		91,6%	
-	Kinh phí đãi ngộ, thu hút bác sĩ	85	48		56,5%	
-	Nghị định 76/2019/NĐ-CP (Y tế xã)	257	151	75	58,8%	201,3%
-	Nghị định 76/2019/NĐ-CP (Dân số)	46	27	18	58,7%	150,0%
-	Cộng tác viên dân số	78	43	120	55,1%	35,8%
-	Hỗ trợ sinh con đúng chính sách	4				
-	Duy trì nâng cao kết quả thực hiện CTMT dân số	242	188	6	77,7%	3133,3%
-	Đề án chăm sóc người cao tuổi, truyền thông dân số	49	43	291	87,8%	14,8%
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng					
-	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	8		125		
-	Quỹ tiền thưởng	907	419		46,2%	
-	Kinh phí bệnh án điện tử	499				
-	Quỹ phòng chống bão lũ	120	120		100,0%	
6	Chi hoạt động kinh tế			15		
II	Nguồn vốn viện trợ					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					

Chữ ký